

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 967 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 18 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án kè chống sạt lở đề tả sông Bưởi đoạn
K4+215÷K8+362, xã Thành Hưng và đề hữu sông Bưởi đoạn
K6+785÷K8+305, xã Thạch Đồng, xã Thạch Long, huyện Thạch Thành

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 8172/BKHĐT-KTNN ngày 23/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án kè chống sạt lở đề tả sông Bưởi xã Thành Hưng và đề hữu xã Thạch Đồng, Thạch Long, huyện Thạch Thành;

Căn cứ Công văn số 468b/CV-HĐND ngày 30/10/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án kè chống sạt lở đề tả sông Bưởi đoạn K4+215÷K8+362, xã Thành Hưng và đề hữu sông Bưởi đoạn K6+785÷K8+305, xã Thạch Đồng, xã Thạch Long, huyện Thạch Thành;

Căn cứ Quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án kè chống sạt lở đề tả sông Bưởi đoạn K4+215÷K8+362, xã Thành Hưng và đề hữu sông Bưởi đoạn K6+785÷K8+305, xã Thạch Đồng, xã Thạch Long, huyện Thạch Thành;

Xét đề nghị của UBND huyện Thạch Thành tại Tờ trình số 36/TTr-UBND ngày 26/02/2016 (kèm theo hồ sơ) và Tờ trình số 774/SKHĐT-TĐ ngày 11/3/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc phê duyệt dự án kè chống sạt lở đề tả sông Bưởi đoạn K4+215÷K8+362, xã Thành Hưng và đề hữu sông Bưởi đoạn K6+785÷K8+305, xã Thạch Đồng, xã Thạch Long, huyện Thạch Thành,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án kè chống sạt lở đề tả sông Bưởi đoạn K4+215÷K8+362, xã Thành Hưng và đề hữu sông Bưởi đoạn K6+785÷K8+305,

xã Thạch Đồng, xã Thạch Long, huyện Thạch Thành, với những nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Kè chống sạt lở đe tả sông Bưởi đoạn K4+215÷K8+362, xã Thành Hưng và đe hữu sông Bưởi đoạn K6+785÷K8+305, xã Thạch Đồng, xã Thạch Long, huyện Thạch Thành.

2. Tên chủ đầu tư: UBND huyện Thạch Thành.

3. Nhà thầu tư vấn lập dự án: Công ty cổ phần tư vấn và Đầu tư phát triển Bắc sông Mã.

4. Mục tiêu đầu tư: Bảo vệ an toàn và ổn định cho đe tả, hữu sông Bưởi, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng dự án.

5. Quy mô đầu tư: Kè chống sạt lở đe tả, hữu sông Bưởi với tổng chiều dài 3.233 m (đầu tư 3 đoạn kè) thuộc địa phận các xã Thành Hưng, Thạch Đồng và Thạch Long đảm bảo tần suất mực nước kiệt thiết kế $P = 95\%$.

6. Nội dung đầu tư và giải pháp kỹ thuật:

a) Nội dung đầu tư: Đầu tư xây dựng 3 đoạn kè chống sạt lở đe sông Bưởi, cụ thể:

- Đoạn 1: Từ K6+785÷K7+065,7 đe hữu sông Bưởi dài $L = 387,2$ m thuộc xã Thạch Đồng (điểm đầu K6+785 trùng với điểm cuối tuyến kè Thạch Đồng hiện có).

- Đoạn 2: Từ K7+516,8÷K8+305 đe hữu sông Bưởi dài $L = 795,9$ m thuộc các xã Thạch Đồng, Thạch Long (điểm cuối K8+305 giáp trạm bơm Thạch Long hiện có).

- Đoạn 3: Từ K6+418÷K8+362 đe tả sông Bưởi dài $L = 2.050$ m thuộc xã Thành Hưng (điểm đầu K6+418 trùng với điểm cuối tuyến kè Thành Hưng hiện có).

b) Giải pháp kỹ thuật:

- Kè:

+ Mái kè ($m = 2$) lát cấu kiện bê tông đúc sẵn kích thước (40x40x16) cm trong khung dầm BTCT, phía dưới tấm lát là lớp đá dăm dày 10 cm và vải địa kỹ thuật. Chân kè được gia cố bằng đá hộc kiểu lăng thể tựa, cao trình đỉnh lăng thể tựa (+2.50) m, chiều rộng đỉnh lăng thể $B = (3÷5)$ m, mặt ngoài đỉnh lăng thể xếp đá hộc chèn chặt dày 30 cm, mái ngoài lăng thể $m = 2$.

+ Đỉnh kè tại cao trình (+8.00) m, kết cấu bằng dầm BTCT, kích thước (bxh) = (0,3x0,5) m; phía trong đỉnh kè bố trí đường kiểm tra, kết hợp thi công rộng $B = 3$ m, kết cấu mặt đường bằng cấp phối đá dăm loại 2 dày 20 cm; mái đe từ đỉnh kè đến đỉnh đe $m = 2$, được trồng cỏ chống xói lở.

- Công trình trên tuyến kè:

+ Đoạn kè thuộc đe hữu sông Bưởi, xã Thạch Đồng, xã Thạch Long: Sửa chữa tiêu năng cống Hón Sảnh; 3 dốc lên xuống đe với bề rộng nền $B_n = 4$ m, bề

rộng mặt $B_m = 3$ m kết cấu bằng lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 20 cm; 4 bậc lên xuống mái kè. Kết cấu công trình sửa chữa tiêu năng cống Hón Sánh và bậc lên xuống mái kè bằng bê tông và BTCT.

+ Đoạn kè thuộc đê tả sông Bưởi, xã Thành Hưng: Xây dựng 3 dốc lên xuống đê với bề rộng nền $B_n = 4$ m, bề rộng mặt $B_m = 3$ m kết cấu bằng lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 20 cm; 4 bậc lên xuống mái kè kết cấu bằng bê tông.

7. Nhóm dự án; loại, cấp công trình: Dự án nhóm B; công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp IV.

8. Địa điểm xây dựng: Trên địa bàn các xã Thành Hưng, Thạch Đồng và Thạch Long, huyện Thạch Thành.

9. Diện tích sử dụng đất: 3,16 ha.

10. Phương án giải phóng mặt bằng: Giao UBND huyện Thạch Thành tổ chức thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

11. Tổng mức đầu tư: 80.050 triệu đồng;

Trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB: 1.128 triệu đồng;
- Chi phí xây dựng: 59.387 triệu đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 942 triệu đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 4.610 triệu đồng;
- Chi phí khác: 3.693 triệu đồng;
- Chi phí dự phòng: 10.290 triệu đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương đầu tư Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế Nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

14. Thời gian thực hiện dự án: 3 năm (2016÷2018).

Điều 2. Triển khai thực hiện:

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng năm 2014; Luật Đấu thầu năm 2013 và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Yêu cầu chủ đầu tư tiếp tục theo dõi diễn biến sạt lở các đoạn kè từ K4+215÷K6+418 đê tả sông Bưởi, xã Thành Hưng và đoạn K7+065,7÷K7+516,8 đê hữu sông Bưởi, xã Thạch Đồng và xã Thạch Long để có phương án xử lý phù hợp đảm bảo an toàn cho tuyến đê và không ảnh hưởng đến các đoạn kè đã đầu tư.

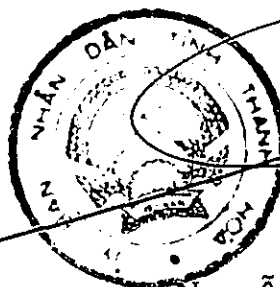
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền;
- Phó Chánh Văn phòng Lê Thanh Hải;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án kè chống sạt lở bờ sông Bưởi đoạn K4+215÷K8+362, xã Thành Hưng và bờ hữu sông
Bưởi đoạn K6+785÷K8+305, xã Thạch Đồng, xã Thạch Long, huyện Thạch Thành
(Kèm theo Quyết định số: 96/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung chi phí	Cách tính	Thành tiền
	Tổng cộng	(I+II+III+IV+V+VI)	80.050
I	Chi phí bồi thường GPMB		1.128
II	Chi phí xây dựng (Gxd)		59.387
III	Chi phí quản lý dự án (Gqlđ)	$1,745\% \times Gxd/1,1$	942
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		4.610
1	Lập dự án		248,1
2	Khảo sát địa hình bước lập dự án (bao gồm lập đề cương nhiệm vụ)		460,2
3	Khảo sát địa chất bước lập dự án		526,8
4	Khảo sát bước lập TKBVTC-DT		660,0
5	Lập TKBVTC-DT	$Gxd \times 1,652\%$	981,1
6	Lựa chọn nhà thầu các gói thầu	$0,20\% \times Ggt$	184,5
7	Giám sát thi công xây dựng công trình	$Gxd \times 1,587\%$	942,5
8	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Tạm tính	300,0
9	Giám sát môi trường	Tạm tính	100,0
10	Giám sát, đánh giá dự án	$20,0\% \times Gqlđ \times 1,1$	207,2
V	Chi phí khác		3.693
1	Chi phí hạng mục chung		2.375,5
2	Bảo hiểm xây dựng công trình	$1,030\% \times Gxd$	611,7
3	Thẩm định dự án	$0,013\% \times TMĐT$	10,4
4	Thẩm định TKBVTC-DT	$0,077\% \times Gxd$	83,1
5	Thẩm định KQĐT, HSMT các gói thầu	$0,100\% \times Ggt$	82,2
6	Kiểm toán	$0,248\% \times TMĐT$	200,9
7	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	$0,080\% \times TMĐT \times 0,5/1,1$	29,5
8	Rà phá bom mìn	Tạm tính	300,0
VI	Chi phí dự phòng		10.290
1	Dự phòng cho khối lượng phát sinh	$(I+II+III+IV+V) \times 10\%$	6.976
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	$(I+II+III+IV+V) \times 4,75\%$	3.314